

# THE SITUATION OF ORGANIZATION AND IMPLEMENTATION OF POLICIES FOR SOCIO-ECONOMIC DEVELOPMENT IN THE ETHNIC MINORITY AND MOUNTAINOUS AREAS FROM INNOVATION TO TODAY

Vu Van Ngan

Ha Long University, Quang Ninh

Email: [vuvanngan@daihochalong.edu.vn](mailto:vuvanngan@daihochalong.edu.vn)

Received: 01/6/2023; Reviewed: 09/6/2023; Revised: 13/6/2023; Accepted: 15/6/2023; Released: 21/6/2023

DOI: <https://doi.org/10.54163/ncdt/192>

Vietnam's ethnic affairs in general and the affairs of planning, formulation and implementation of ethnic policies in particular are aiming at the goal of ethnic equality, solidarity, respect and mutual development. Under the leadership of the Party, the rising efforts of ethnic minorities, the system of ethnic policies are supporting ethnic minorities to overcome poverty, reduce poverty and develop social economically, step by step improve material and spiritual life, raise people's intellectual level, preserve and promote cultural identity, ensure political stability and maintain national security and defense. The article mentions the actual situation of organization and implementation of social economic development policies in ethnic minority and mountainous areas, from which to draw some experiences in implementing policies in this region in the coming time.

**Keywords:** *Assessment; The actual situation; Organization and implementation of policies; Social economic development; Ethnic minority and mountainous areas.*

## 1. Đặt vấn đề

Từ khi đổi mới đến nay, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chương trình, chính sách, dự án đầu tư cho vùng dân tộc thiểu số (DTTS) và miền núi, cho đồng bào DTTS. Các chương trình đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội (KT-XH) cho đến các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo, cải thiện đời sống đồng bào DTTS như: Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nhà ở, nước sinh hoạt, vay vốn tín dụng ưu đãi, đào tạo nghề, giải quyết việc làm. Các chính sách hỗ trợ đặc thù về giáo dục, y tế, văn hóa xã hội, xây dựng hệ thống chính trị cơ sở, đào tạo cán bộ cơ sở... đã góp phần quan trọng tạo sự chuyên biến rõ nét bộ mặt nông thôn vùng DTTS và miền núi. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân đã từng bước được cải thiện, cơ bản hạn chế được tình trạng đói, tỷ lệ giảm nghèo ở khu vực này cao hơn tỷ lệ giảm nghèo của cả nước, hàng trăm ngàn hộ đồng bào được hỗ trợ xóa nhà tạm, có nước sinh hoạt, hồ xí hợp vệ sinh. Con em đồng bào ngày càng có điều kiện được học tập, điều kiện chăm sóc sức khỏe, tiếp cận các dịch vụ y tế ngày một tốt hơn. Phong tục tập quán tốt đẹp, lễ hội truyền thống của đồng bào được bảo tồn và phát huy.

Những thành tựu trên là hết sức quan trọng, tuy nhiên vùng DTTS và miền núi hiện nay vẫn là vùng

khó khăn nhất, tỷ lệ hộ nghèo chủ yếu là người DTTS. Điều kiện sống của đồng bào DTTS thấp hơn mặt bằng chung của cả nước, “túi nghèo” tập trung ở vùng DTTS và miền núi. Chất lượng nguồn lao động thấp, chủ yếu lao động giản đơn chưa qua đào tạo, năng suất lao động và thu nhập thấp, đời sống khó khăn. Mặt bằng dân trí thấp, điều kiện tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe còn nhiều hạn chế, còn tồn tại nhiều hủ tục lạc hậu, bản sắc văn hóa của một số dân tộc đang bị mai một. Vùng DTTS và miền núi đang tiềm ẩn nhiều nguy cơ mất ổn định chính trị và trật tự xã hội.

Trong bối cảnh trong nước và quốc tế hiện nay, việc đánh giá tổ chức thực hiện chính sách phát triển vùng DTTS và miền núi hiện nay có ý nghĩa hết sức quan trọng nhằm cung cấp thêm cơ sở khoa học để đổi mới CTDT, đổi mới chính sách dân tộc (CSDT) hướng đến mục tiêu các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển.

## 2. Tổng quan nghiên cứu

Liên quan đến nội dung nghiên cứu này đã có nhiều tác giả quan tâm, trong đó phải kể đến một số công trình nghiên cứu tiêu biểu như: Hoàng Chí Bảo (2009), “*Đảm bảo bình đẳng và tăng cường hợp tác giữa các dân tộc trong phát triển kinh tế - xã hội hiện nay*”, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội; Hoàng Hữu Bình, Phan Văn Hùng (2013), “*Một*

số vấn đề về đổi mới xây dựng và thực hiện chính sách dân tộc”, Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội; Hoàng Minh Đô, Lê Văn Lợi (2014), “10 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy BCH Trung ương khóa IX về CTDT và tôn giáo - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn”, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội; Đỗ Đức Định, “Công nghiệp hóa phát huy lợi thế so sánh động - Mô hình mới kết hợp tăng trưởng nhanh với phát triển bền vững”, Ngân hàng Phát triển Châu Á, 2004; Phan Văn Hùng (chủ biên), Nguyễn Văn Trương, Võ Quý (2007), “Phát triển bền vững vùng dân tộc thiểu số và miền núi Việt Nam”; Phạm Thái Hưng và các cộng sự (Indichina Research and Consulting - IRC), “Nghèo của DTTS ở Việt Nam: Hiện trạng và Thách thức ở các xã thuộc Chương trình 135 Giai đoạn II, 2006-2007”, Hà Nội, 2011; Giảng Seo Phử, “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn quản lý nhà nước về CTDT qua 30 năm đổi mới”, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016... Những công trình nghiên cứu trên là tài liệu kế thừa có giá trị giúp tác giả bổ sung, hoàn thiện nội dung nghiên cứu này.

### 3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng một số phương pháp chủ yếu như: Phương pháp thu thập tài liệu thứ cấp; Phương pháp tổng hợp, phân tích để từ đó làm rõ nội dung nghiên cứu này.

### 4. Kết quả nghiên cứu

#### 4.1. Khái quát các chính sách phát triển kinh tế - xã hội

Trong suốt quá trình bảo vệ và xây dựng đất nước, CSDT và đại đoàn kết dân tộc luôn được Đảng và Chính phủ Việt Nam coi trọng, góp phần làm nên những thắng lợi vĩ đại của cách mạng. Vấn đề dân tộc và đại đoàn kết các dân tộc luôn được Đảng xác định là vấn đề có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng nước ta. Tại Hội nghị lần thứ 7 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã ban hành Nghị quyết về công tác dân tộc (CTDT). Thực hiện chủ trương của Đảng, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách, chương trình ưu tiên hỗ trợ phát triển KT-XH và xóa đói giảm nghèo cho vùng DTTS.

Báo cáo “Đánh giá CSDT” của Ủy ban Dân tộc năm 2013 đã tổng hợp tương đối đầy đủ hệ thống CSDT, chủ yếu về phát triển KT-XH, đã được thể chế bằng các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Hệ thống các văn bản chính sách dân tộc bao gồm các chính sách cho các vùng/tỉnh/huyện/xã/thôn bản thuộc vùng DTTS và miền núi. Trên cơ sở Báo cáo của UBND năm 2013 và cập nhật chính sách mới ban hành, hệ thống CSDT hiện hành được chia thành hai nhóm chính sách chính:

Nhóm chính sách do Chính phủ ban hành: gồm

32 Nghị định/Nghị quyết của Chính phủ quy định chính sách trên các lĩnh vực phát triển KT-XH như: Xóa đói giảm nghèo, sử dụng đất, tín dụng, thương mại, cán bộ, đơn vị hành chính, văn hóa, giáo dục, y tế.

Nhóm chính sách do Thủ tướng Chính phủ ban hành: Tổng hợp được 150 Quyết định cũng quy định chính sách về các lĩnh vực phát triển KT-XH theo vùng. Được chia thành các nhóm sau:

Nhóm chính sách phát triển kinh tế - xã hội theo vùng: Nhóm chính sách phát triển KT-XH theo vùng được thể chế trong 59 quyết định.

Nhóm chính sách phát triển KT-XH theo lĩnh vực, theo ngành: Nhóm chính sách phát triển KT-XH theo lĩnh vực, theo ngành được thể chế trong 91 quyết định.

Nhóm chính sách phát triển KT-XH theo lĩnh vực, theo ngành được phân chia thành 6 phân nhóm như sau: *Phân nhóm 1.* Nhóm chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, giao thông vận tải, tín dụng, định canh định cư được thể chế trong 47 quyết định. *Phân nhóm 2.* Nhóm chính sách hỗ trợ về dạy nghề và đào tạo bồi dưỡng cán bộ được thể chế trong 8 Quyết định. *Phân nhóm 3.* Nhóm chính sách hỗ trợ về giáo dục và đào tạo được thể chế trong 12 quyết định. *Phân nhóm 4.* Nhóm chính sách hỗ trợ về y tế được thể chế trong 11 quyết định. *Phân nhóm 5.* Nhóm chính sách hỗ trợ về văn hóa được thể chế qua 10 quyết định. *Phân nhóm 6.* Nhóm chính sách hỗ trợ về nước sạch và vệ sinh môi trường được thể chế qua 3 quyết định.

Về nội dung, các nhóm chính sách này đã bao phủ tương đối đầy đủ các nội dung hỗ trợ cho quá trình phát triển KT-XH vùng DTTS như: (1) Hỗ trợ phát triển sản xuất (đất, vốn, vật tư, tiêu thụ sản phẩm, tập huấn kỹ thuật...); (2) Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng; (3) Hỗ trợ dạy nghề và tạo việc làm; (4) Hỗ trợ cải thiện điều kiện sống, nước sạch, vệ sinh môi trường; (5) Hỗ trợ giáo dục đào tạo nâng cao trình độ giáo dục phổ thông; (6) Hỗ trợ phát triển thị trường; (7) Hỗ trợ định canh định cư; (8) Hỗ trợ y tế; (9) Hỗ trợ nhà ở; (9) Hỗ trợ phát triển, cải thiện điều kiện văn hóa, thông tin; (10) Hỗ trợ pháp lý; (11) Hỗ trợ đào tạo thu hút và bồi dưỡng cán bộ; Xây dựng hệ thống chính trị, thực hiện quy chế dân chủ, góp phần đảm bảo an ninh quốc phòng; (12) Bảo vệ tài nguyên môi trường...

Nhìn chung, CSDT từ sau đổi mới đến nay đã hình thành một hệ thống tương đối toàn diện trên tất cả các lĩnh vực hỗ trợ vùng DTTS và miền núi xây dựng hạ tầng KT-XH, phát triển kinh tế xóa đói giảm nghèo, an sinh xã hội, nâng cao dân trí, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của đồng bào các dân tộc, đảm bảo an ninh quốc phòng vùng DTTS

và miền núi, góp phần quan trọng vào phát triển chung của đất nước.

#### **4.2. Đánh giá về bộ máy tổ chức thực hiện chính sách dân tộc**

Công tác dân tộc và thực hiện CSĐT là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân và của cả hệ thống chính trị (Nghị quyết TW 7 khóa IX), nhưng việc tổ chức thực hiện CSĐT trước hết là trách nhiệm của Chính phủ và các Bộ ngành, trong đó cơ quan quản lý nhà nước về CTDT đóng vai trò chủ đạo.

Từ khi Nhà Dân tộc thiểu số - tiền thân của Ủy ban Dân tộc được thành lập (năm 1946) đến nay đã trải qua 77 năm. Trong từng giai đoạn của lịch Việt Nam, cơ quan CTDT có chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức khác nhau. Trong các cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, CTDT có nhiệm vụ chủ yếu tuyên truyền, giáo dục đồng bào các DTTS giác ngộ và đi theo cách mạng cùng đồng bào cả nước đấu tranh giành độc lập cho dân tộc. Trong các cuộc kháng chiến cứu quốc, công tác dân tộc có nhiệm vụ vận động đồng bào DTTS tham gia các phong trào “diệt giặc đói, diệt giặc dốt” chi viện sức người sức của cho tiền tuyến đánh đuổi giặc ngoại xâm, giải phóng đất nước. Trong công cuộc đổi mới, CTDT cũng được đổi mới theo Tư tưởng Hồ Chí Minh, cơ quan CTDT phải là cơ quan “săn sóc cho tất cả đồng bào”. Từ chỗ cơ quan tham mưu về CTDT, CSĐT cho Trung ương Đảng là Ban Dân tộc Trung ương và cơ quan tham mưu tổ chức thực hiện CSĐT cho Chính phủ là Văn phòng Miền núi và Dân tộc được hợp nhất thành Ủy ban Dân tộc và miền núi (năm 1993), cơ quan vừa có chức năng tham mưu về CTDT và CSĐT cho Trung ương Đảng vừa có chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực CTDT trong phạm vi cả nước. Đến giai đoạn này, vai trò của tổ chức thực hiện CSĐT mới thể hiện là một cơ quan ngang Bộ của Chính phủ có chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực CTDT. Với vai trò đầy đủ hơn, quyền hạn lớn hơn, Ủy ban Dân tộc và Miền núi đã phát huy được nhiệm vụ hoạch định và xây dựng chính sách phát KT-XH cho vùng DTTS và miền núi. Giai đoạn này đã ra đời một loạt chính sách, chương trình, dự án hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng KT-XH, hỗ trợ cải thiện đời sống, hỗ trợ sản xuất cho đồng bào vùng DTTS và miền núi. Tiếp tục đổi mới, chức năng, nhiệm vụ tổ chức bộ máy của cơ quan làm CTDT có sự đổi từ Trung ương đến các địa phương. Ở Trung ương, Ủy ban Dân tộc và Miền núi được tổ chức lại thành Ủy ban Dân tộc, cơ quan ngang Bộ của Chính phủ. Vai trò, nhiệm vụ về công tác miền núi thuộc lĩnh vực nào thì do Bộ ngành đó quản lý. Ở địa phương, từ chỗ cả nước chỉ có rất ít cơ quan quản lý nhà nước về CTDT cấp tỉnh (năm 1993 cả nước chỉ có 4 tỉnh thành lập cơ quan CTDT trực thuộc Ủy ban nhân

dân tỉnh) và không có cơ quan CTDT cấp huyện, thì đến năm 2003 cả nước đã có 33 Cơ quan CTDT cấp tỉnh. Đến năm 2004 có 50 cơ quan CTDT cấp tỉnh và 254 Phòng dân tộc cấp huyện. Hiện nay, bộ máy tổ chức cơ quan CTDT từ Trung ương đến địa phương về cơ bản đã đáp ứng được chức năng nhiệm vụ được giao, đóng vai trò chính trong việc tham mưu đề xuất hoạch định, xây dựng và tổ chức thực hiện CSĐT; thực hiện công tác theo dõi nắm tình hình địa bàn vùng DTTS và miền núi; kiểm tra, thanh tra thực hiện CSĐT; nắm tâm tư nguyện vọng, động viên, khích lệ, tuyên truyền vận động đồng bào DTTS đoàn kết, phấn đấu vươn lên xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh KT-XH, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội trên địa bàn vùng DTTS, vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn nhất.

#### **4.3. Công tác thanh tra, giám sát thực hiện chính sách**

##### **4.3.1. Công tác thanh tra**

Thanh tra thực hiện CSĐT là một nhiệm vụ trong chức năng, nhiệm vụ của Thanh tra Nhà nước. Trong những năm qua, nhiệm vụ thanh tra thực hiện chính sách dân tộc không phải là nhiệm vụ trọng tâm của Thanh tra Nhà nước, nên nhiệm vụ này chủ yếu do Thanh tra Ủy ban Dân tộc thực hiện. Thanh tra thực hiện chính sách dân tộc được tổ chức thực hiện bằng Kế hoạch thanh tra hằng năm của Ủy ban Dân tộc do Thanh tra Ủy ban Dân tộc thực hiện. Tại các địa phương vùng DTTS, Thanh tra Ủy ban Dân tộc tập trung chủ yếu vào việc thanh tra thực hiện những chính sách do Ủy ban Dân tộc trực tiếp quản lý. Thông qua các cuộc thanh tra, những sai lệch, khó khăn trong tổ chức thực hiện CSĐT tại các địa phương được phát hiện và chấn chỉnh kịp thời. Những hạn chế trong từng nội dung chính sách qua thanh tra cũng được phát hiện làm cơ sở sửa đổi bổ sung chính sách. Có thể đánh giá thanh tra thực hiện CSĐT có vai trò hết sức quan trọng đối với công tác quản lý và điều hành thực hiện CSĐT. Tuy nhiên với số lượng cán bộ có hạn của Thanh tra Ủy ban Dân tộc hiện nay, một số cán bộ chưa được đào tạo chính quy chuyên ngành thanh tra, cùng với hạn chế về bố trí kinh phí hằng năm cho công tác thanh tra, làm cho kết quả và hiệu quả của công tác thanh tra thực hiện chính sách dân tộc giảm đi nhiều, không có điều kiện để tổ chức nhiều cuộc thanh tra, trong khi địa bàn quản lý trải rộng hầu hết địa bàn các tỉnh trong cả nước. Ngoài tổ chức thanh tra tại các địa phương, Thanh tra Ủy ban dân tộc cũng đã tổ chức thanh tra thực hiện một số chính sách do các bộ ngành trực tiếp quản lý như chính sách cử tuyển, chính sách đối với trường dân tộc nội trú, nhưng số lượng cuộc thanh tra không nhiều và không thường xuyên liên tục. Một vấn đề khá quan



trọng là các Bộ ngành đó thực hiện chính sách dân tộc như thế nào (Trong tổ chức bộ máy, trong công tác cán bộ...) chưa được làm rõ cả về chức năng, nhiệm vụ của Thanh tra Ủy ban dân tộc và chưa có hoạt động thanh tra thực tế.

Cơ quan quản lý nhà nước về CTDT ở địa phương (Ban Dân tộc) trong cơ cấu tổ chức có Thanh tra của Ban Dân tộc. Tuy nhiên, hạn chế về số lượng thanh tra viên, chuyên môn nghiệp vụ, điều kiện kinh phí nên số lượng các cuộc thanh tra, kết quả, hiệu quả thanh tra chưa phục vụ được nhiều cho công tác quản lý nhà nước của cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở địa phương.

Kết quả, hiệu quả công tác thanh tra thực hiện CSĐT hiện nay còn nhiều hạn chế, do vậy nó gián tiếp cản trở việc tổ chức phân cấp mạnh cho địa phương trong tổ chức thực hiện chính sách, nếu phân cấp mạnh nhưng thiếu thanh tra, kiểm tra thì cấp trên dễ quan liêu, cấp dưới làm sai không được phát hiện và chấn chỉnh, đương nhiên làm giảm hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước về lĩnh vực CTDT.

#### 4.3.2. Công tác giám sát

Giám sát thực thực chính sách, pháp luật của nhà nước nói chung và CSĐT nói riêng hiện nay được thực hiện thông qua 2 hình thức dân chủ trực tiếp (người dân) và dân chủ đại diện (thông qua hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp). Đối với hoạt động giám sát của Quốc hội được triển khai thực hiện khá mạnh và có kết quả. Những chủ trương, chương trình, chính sách lớn cho đồng bào DTTS đều được Hội đồng Dân tộc của Quốc hội và các Ủy ban của Quốc hội tổ chức giám sát tại các địa phương cũng như các Bộ, ngành Trung ương, có chất vấn của đại biểu Quốc hội và có trả lời chất vấn của Chính phủ và các Bộ, ngành có liên quan. Đối với Hội đồng nhân dân các cấp hoạt động giám sát cũng được triển khai nhưng chủ yếu là giám sát thực hiện Nghị quyết của hội đồng nhân dân và tác động của hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp hầu như chưa tác động đến công tác quản lý nhà nước của các cơ quan Trung ương. Công tác giám sát của người dân còn nhiều hạn chế, một mặt do công tác tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện chính sách chưa tốt, người dân không nắm được chính sách nên không có điều kiện để giám sát. Mặt khác, do phương thức tổ chức xây dựng chính sách hiện nay là từ trên đưa xuống, người dân không được trực tiếp tham gia vào việc đề xuất và xây dựng chính sách, do vậy không có điều kiện và hiểu biết cần thiết để giám sát chính sách. Như vậy, giám sát thực hiện chính sách hiện nay càng xuống dưới càng nhỏ đi và càng kém hiệu quả.

#### 4.4. Công tác tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện chính sách

Công tác tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thực hiện chính sách nói chung và CSĐT nói riêng có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với công tác quản lý nhà nước về CTDT, nhất là đối với công tác tổ chức thực hiện CSĐT. Đồng bào DTTS chủ yếu sinh sống ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, cộng với điều kiện sống khó khăn không có các phương tiện nghe nhìn cần thiết, một bộ phận người DTTS bị rào cản về ngôn ngữ, về trình độ dân trí do vậy rất khó khăn trong việc tiếp cận, nắm bắt được các chính sách thông qua các phương tiện thông tin đại chúng. Những hạn chế của các phương tiện thông tin đại chúng hiện nay như nội dung, ngôn ngữ, hình thức tuyên truyền không phù hợp với văn hóa phong tục tập quán của đồng bào đã làm giảm đi nhiều hiệu quả của công tác tuyên truyền hướng dẫn thực hiện chính sách ở vùng DTTS. Mặt khác, cơ chế chính sách quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực này chưa tốt, nên những hạn chế, yếu kém trong công tác tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thực hiện CSĐT chậm được khắc phục, người DTTS “đói” thông tin, không nắm được chính sách của nhà nước và gián tiếp làm giảm hiệu quả chính sách của Đảng và Nhà nước dành cho đồng bào DTTS.

#### 4.5. Đánh giá hệ thống chính sách

##### 4.5.1. Kết quả đạt được

Cùng với sự phát triển của đất nước, cơ chế chính sách cho vùng DTTS và miền núi đang có sự thay đổi căn bản, ngày càng sát thực tế hơn; từ chỗ chính sách cho vùng DTTS và miền núi chủ yếu là hỗ trợ trực tiếp cho người dân, chuyển sang chính sách vừa đầu tư phát triển vừa hỗ trợ trực tiếp. Địa bàn và đối tượng trong hệ thống chính sách cũng có thay đổi quan trọng; từ chỗ “dễ làm trước, khó làm sau”, chuyển sang ưu tiên đầu tư và hỗ trợ cho những vùng khó khăn nhất (xã đặc biệt khó khăn; thôn, bản đặc biệt khó khăn). Trước năm 1998 (năm Chương trình 135 được ban hành), các chính sách mới tập trung vào hỗ trợ đời sống của người dân như: chính sách trợ cước, trợ giá và cấp không thu tiền một số mặt hàng thiết yếu cho đồng bào vùng DTTS và miền núi; đến năm 1998 Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình 135 (giai đoạn I) với những dự án thành phần như: đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất, quy hoạch bố trí lại dân cư và đào tạo cán bộ cơ sở, đã làm thay đổi cơ bản về định hướng chính sách cho vùng DTTS và miền núi trong giai đoạn hiện nay.

Tiếp theo Chương trình 135 giai đoạn I đã tập trung vào giải quyết những vấn đề khó khăn, bức xúc nhất của vùng DTTS và miền núi, tạo đà cho khu vực này phát triển như: Đầu tư cơ sở hạ tầng các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn (Chương trình 135 giai đoạn II, III), Chương trình giảm nghèo nhanh,

bền vững của 62 huyện nghèo (Nghị quyết số 30a), chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nhà ở, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào DTTS nghèo, đời sống khó khăn (Quyết định số 134, Quyết định 1592), Chính sách hỗ trợ nhà ở (Quyết định số 167), chính sách cho vay vốn phát triển sản xuất (Quyết định số 32 và Quyết định 126), chính sách đầu tư hỗ trợ định canh định cư (Quyết định số 33 và Quyết định số 1342)... Đồng thời với những chính sách đầu tư hỗ trợ phát triển KT-XH vùng DTTS và miền núi, những chính sách được ban hành theo các Quyết định số 24, 25, 26 và 27/2008/QĐ-TTg đảm bảo kết hợp phát triển KT-XH với an ninh quốc phòng các vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, vùng biên giới, vùng căn cứ địa cách mạng, an toàn khu... Các chính sách cho một số dân tộc rất ít người như: Brâu, Rơ măm, Ô Đu, Si La, Pu Péo, Công, Mảng, La Hủ, Cờ Lao và các chính sách về nông nghiệp, nông thôn, giáo dục đào tạo, y tế chăm sóc sức khỏe cho người dân, văn hóa, thể dục thể thao... đã tạo thành hệ thống chính sách tương đối toàn diện, bao trùm trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng và địa bàn vùng DTTS và miền núi. Một số chính sách có tác động lớn cần kể đến là: Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo theo Quyết định số 20/2007/QĐ-TTg ngày 2/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ; Chương trình Phát triển KT-XH các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng DTTS và miền núi giai đoạn 2006-2010 theo Quyết định số 07/2006/QĐ-TTg ngày 10/01/2006 của Thủ tướng Chính phủ; Chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2007-2010 theo Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg ngày 5/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ; Chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định 167/2008/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ...

Với đường lối, CSĐT đúng đắn của Đảng và Nhà nước, sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, các Bộ, ngành ở Trung ương, các cấp ở địa phương cùng với nguồn lực đầu tư và sự nỗ lực phấn đấu vươn lên của đồng bào các dân tộc, kết quả đã làm thay đổi rõ nét bộ mặt nông thôn vùng DTTS và miền núi. Sản xuất một số vùng đã có bước phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa. Đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào được nâng lên từng bước, tỷ lệ hộ nghèo giảm theo từng năm.

Sản xuất nông, lâm nghiệp vùng DTTS và miền núi đang có chuyển biến tích cực. Những nơi có điều kiện thuận lợi đang hình thành những vùng chuyên canh, trang trại sản xuất hàng hóa tập trung. Những nơi khó khăn đang được quy hoạch sắp xếp lại, hỗ trợ sản xuất và đời sống giúp đồng bào định canh định cư. Giống mới, dịch vụ bảo vệ thực vật, kỹ thuật bảo quản nông sản sau thu hoạch đang được người dân ứng dụng ngày một nhiều hơn.

Cuộc sống của đồng bào khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng đang từng bước gắn với lợi ích từ việc khoanh nuôi và bảo vệ rừng.

Công tác giáo dục ở vùng DTTS và miền núi đã có nhiều tiến bộ. 100% xã đã đạt chuẩn phổ cập tiểu học, nhiều nơi đã đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở. Loại hình trường nội trú, bán trú đang phát triển. Tất cả các tỉnh vùng DTTS và miền núi đều có trường trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, trường dạy nghề và đào tạo nghiệp vụ trong các lĩnh vực nông nghiệp, quản lý kinh tế, tài chính, giáo dục, y tế,...

Mạng lưới y tế ở vùng DTTS và miền núi phát triển, hệ thống bệnh viện tỉnh - huyện và trạm y tế xã đã được quan tâm đầu tư. Đồng bào dân tộc được tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe cơ bản, đồng bào nghèo được khám chữa bệnh miễn phí và chính sách bảo hiểm y tế được thực hiện đúng quy định. Các dịch vụ bệnh như: sốt rét, bệnh cơ bản được khống chế; giảm đáng kể tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng...

Giá trị văn hóa dân tộc tiếp tục được quan tâm bảo tồn và phát huy như: Khôi phục các lễ hội truyền thống, tổ chức Ngày hội văn hóa - nghệ thuật, thể thao khu vực, tổ chức trình diễn trang phục truyền thống các dân tộc Việt Nam... Mạng lưới thông tin, văn hoá, thể thao nông thôn đã có sự phát triển nhanh, góp phần cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào.

Công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật ở vùng DTTS và miền núi có chuyển biến tích cực, đồng bào các dân tộc được tiếp cận với dịch vụ trợ giúp pháp lý. Công tác dân vận, vận động quần chúng, phát huy vai trò người có uy tín trong cộng đồng được chú trọng. Công tác bình đẳng giới từng bước giúp người dân nâng cao nhận thức, vươn lên phát huy vai trò của bản thân trong gia đình và xã hội.

Hệ thống chính trị vùng DTTS và miền núi thường xuyên được xây dựng, củng cố và ngày càng phát triển, nhất là hệ thống chính trị cơ sở. Hệ thống cơ quan làm CTDT từng bước được kiện toàn với 3 cấp: Trung ương, cấp tỉnh và cấp huyện.

Tình hình an ninh chính trị và trật tự xã hội cơ bản được ổn định, quốc phòng, an ninh được giữ vững. Đồng bào các dân tộc đoàn kết, tin tưởng vào đường lối đổi mới, thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nâng cao cảnh giác trước mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch.

#### 4.5.2. Một số hạn chế, tồn tại

Hệ thống chính sách DTTS hiện hành có những điểm hạn chế cơ bản như sau: *Thứ nhất*, sự chồng chéo trong hệ thống chính sách; *Thứ hai*, các lỗ hổng chính sách; *Thứ ba*, chính sách chưa phù hợp

với đặc điểm của vùng và người DTTS... Vùng DTTS và miền núi có những điểm đặc thù về địa hình, khí hậu và người DTTS có những điểm rất đặt thù trong tập quán, thói quen sinh hoạt cũng như sản xuất. Do đó, các chương trình, chính sách nếu không tính kỹ đến những điểm này sẽ không khả thi. Vì vậy, trong thời gian tới, khi triển khai Chương trình Mục tiêu quốc gia về Phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS giai đoạn 2021-2025, vấn đề cấp bách đặt ra là cần hoàn thiện về nội dung chính sách, cần điều chỉnh hệ thống tổ chức, cơ chế thực hiện chính sách phù hợp hơn với điều kiện thực tế của vùng và người DTTS để nâng cao hiệu quả của chính sách, phát huy nội lực, ý thức tự lực tự cường của người DTTS.

### 5. Thảo luận

Trong những năm qua, bằng thực tiễn CTDT và triển khai thực hiện chính sách vùng DTTS và miền núi, rút ra một số kinh nghiệm như sau:

*Thứ nhất*, Cấp ủy, tổ chức đảng và chính quyền các cấp phải cụ thể hóa Nghị quyết thành những chính sách, chương trình hành động, kế hoạch cụ thể, đồng bộ và thống nhất. Trong quá trình thực hiện cần có sự phân công, phân cấp, làm rõ trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, các ban ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

*Thứ hai*, tập trung nguồn lực, đa dạng hóa nguồn lực đầu tư cho vùng DTTS và miền núi, ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng, giải quyết vấn đề bức xúc như giải quyết đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho các địa bàn khó khăn; phát triển nguồn nhân lực, nâng cao dân trí gắn với đào tạo, dạy nghề, tạo việc làm cho đồng bào DTTS đây là những vấn đề ưu tiên trọng xác định chính sách và thể hiện quyền bình đẳng của các DTTS.

*Thứ ba*, thường xuyên quan tâm nắm chắc diễn

biến tâm tư tình cảm của đồng bào các dân tộc; thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động đồng bào chấp hành tốt đường lối chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước; phát huy dân chủ cơ sở, giải quyết tốt những bức xúc của người dân, nêu cao ý thức tự lực, tự cường và tạo niềm tin, sự đồng thuận của đồng bào.

*Thứ tư*, nâng cao vai trò tham mưu của hệ thống cơ quan làm CTDT; coi trọng công tác xây dựng đội ngũ cán bộ trong hệ thống cơ quan CTDT, cán bộ người DTTS; xây dựng lực lượng cốt cán, phát huy vai trò của những người có uy tín trong cộng đồng DTTS như già làng, trưởng thôn, bản, trưởng dòng họ.

*Thứ năm*, chính sách, dự án nào có tham gia của chính quyền địa phương, của người dân nhiều hơn thì chính sách đó có hiệu quả tốt hơn. Nơi nào người dân hiểu rõ chính sách, được tham gia tổ chức thực hiện chính sách thì nơi đó tổ chức thực hiện CSĐT có hiệu quả hơn.

*Thứ sáu*, để giải quyết cơ bản vấn đề đói nghèo, các địa phương cần quan tâm làm tốt công tác quy hoạch, bố trí sắp xếp dân cư, thực hiện phát triển sản xuất bền vững. Lồng ghép các nguồn vốn để đầu tư có trọng điểm, xây dựng các mô hình về phát triển sản xuất, bảo vệ môi trường.

### 6. Kết luận

Để thực hiện được mục tiêu các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển, việc nghiên cứu đánh giá hệ thống CSĐT hiện hành để đề xuất quan điểm, định hướng, yêu cầu đối với việc hoạch định, xây dựng và thực hiện CSĐT có ý nghĩa hết sức quan trọng. Với ý nghĩa đó, bài viết này mong muốn được đóng góp hiệu quả đối với hoạt động quản lý nhà nước về CTDT trong thời gian tới.

### Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (2011). *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Hà Nội.
- Ban Chỉ đạo các Chương trình Giảm nghèo. (2010). *Báo cáo tổng kết Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006-2010*. Hà Nội.
- Bảo, H. C. (2009). *Đảm bảo bình đẳng và tăng cường hợp tác giữa các dân tộc trong phát triển kinh tế - xã hội hiện nay*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
- Bình, H. H., & Hùng, P. V. (2013). *Một số vấn đề về đổi mới xây dựng và thực hiện chính sách dân tộc*. Hà Nội: Nxb. Chính trị - Hành chính.
- Chính phủ. (2013). *Chiến lược công tác dân tộc*. Hà Nội.
- Định, Đ. Đ. (2004). *Công nghiệp hóa phát huy lợi thế so sánh động - Mô hình mới kết hợp tăng trưởng nhanh với phát triển bền vững*. Ngân hàng Phát triển Châu Á.
- Đô, H. M., & Lợi, L. V. (2014). *10 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy BCH Trung ương khóa IX về CTDT và tôn giáo - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*. Hà Nội: Nxb. Lý luận Chính trị.
- Hưng, P. T., & Indichina Research and Consulting - IRC. (2011). *Nghèo của Dân tộc thiểu số ở Việt Nam: Hiện trạng và Thách thức ở các xã thuộc Chương trình 135 Giai đoạn II, 2006-2007*. Hà Nội.



- Hùng, P. V., Trương, N. V., & Quý, V. (2007). *Phát triển bền vững vùng dân tộc thiểu số và miền núi Việt Nam*.
- MOLISA, & UNDP. (2009a). *Đánh giá giữa kỳ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006-2008*. Hà Nội: Nxb. Thanh niên.
- MOLISA, & UNDP. (2009b). *Đề xuất khung chính sách hỗ trợ giảm nghèo cho các địa phương có tỷ lệ nghèo cao ở Đồng bằng sông Cửu Long*. Hà Nội.
- MOLISA, & UNDP. (2011). *Chính sách đa dạng và phát triển sinh kế cho người nghèo thuộc chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2011-2020*. Hà Nội.
- Phữ, G. S. (2016). *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn quản lý nhà nước về công tác dân tộc qua 30 năm đổi mới*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
- Tổng cục Thống kê. (2011a). *Một số kết quả chủ yếu từ khảo sát mức sống dân cư năm 2010*. Hà Nội.
- Tổng cục Thống kê. (2011b). *Niên giám thống kê 2010*. Hà Nội: Nxb. Thống kê.
- UNDP. (2009). *Rà soát tổng quan các chương trình dự án giảm nghèo ở Việt Nam*. Hà Nội.
- Ủy ban Dân tộc. (2009). *Tài liệu hội nghị Tổng kết thực hiện quyết định 134/TTG và sơ kết 3 năm thực hiện chương trình 135 giai đoạn II (Báo cáo của một số địa phương)*. Hà Nội.
- Ủy ban Dân tộc. (2010). *Báo cáo Bổ sung Kết quả rà soát hệ thống chính sách dân tộc hiện hành, kiến nghị và đề xuất*. Hà Nội.
- Ủy ban Dân tộc. (2013). *Báo cáo đánh giá và triển khai chính sách dân tộc và miền núi*. Hà Nội.
- Ủy ban Dân tộc. (2014). *Báo cáo rà soát, đánh giá chính sách dân tộc hiện hành và định hướng chính sách giai đoạn 2016-2020*. Hà Nội.
- Ủy ban Dân tộc, & UNDP. (2011). *Nghiên cứu, đánh giá hỗ trợ cho việc xây dựng bộ tiêu chí phân định vùng dân tộc và miền núi theo trình độ phát triển, giai đoạn 2011-2015*. Hà Nội.
- Viện Khoa học xã hội Việt Nam (VASS). (2011). *Giảm nghèo ở Việt Nam - thành tựu và thách thức*. Hà Nội.

## THỰC TRẠNG TỔ CHỨC VÀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỪ SAU ĐỔI MỚI ĐẾN NAY

Vũ Văn Ngân

Trường Đại học Hạ Long, Quảng Ninh

Email: [vuvanngan@daihochalong.edu.vn](mailto:vuvanngan@daihochalong.edu.vn)

Nhận bài: 01/6/2023; Phản biện: 09/6/2023; Tác giả sửa: 13/6/2023; Duyệt đăng: 15/6/2023; Phát hành: 21/6/2023

DOI: <https://doi.org/10.54163/ncdt/192>

Công tác dân tộc của Việt Nam nói chung và công tác hoạch định, xây dựng, thực hiện chính sách dân tộc nói riêng đang hướng đến mục tiêu các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự nỗ lực vươn lên của đồng bào các dân tộc thiểu số, hệ thống chính sách dân tộc đang hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số vươn lên xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần, nâng cao dân trí, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa, đảm bảo ổn định chính trị và giữ vững an ninh, quốc phòng của đất nước... Bài viết đề cập đến thực trạng tổ chức và thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi, từ đó rút ra một số kinh nghiệm triển khai thực hiện chính sách ở vùng này trong thời gian tới.

**Từ khóa:** *Đánh giá; Thực trạng; Tổ chức và thực hiện chính sách; Phát triển kinh tế - xã hội; Vùng dân tộc thiểu số và miền núi.*